

PHỤ LỤC I

BIỂU MẪU THU THẬP VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN DÀNH CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 3542/BKH-CN-PTTĐN ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phần A. THÔNG TIN CHUNG

A. Thông tin về cơ quan và người trả lời

A1. Tên đơn vị:.....

A2. Địa chỉ:.....

A3. Số điện thoại:

A4. Email:.....

A5. Lãnh đạo phê duyệt thông tin

A5.1. Họ và tên:.....

A5.2. Chức vụ:

A5.3. Số điện thoại:.....

A5.4. Email:

A6. Thông tin về người điền phiếu

A6.1. Họ và tên:.....

A6.2. Chức vụ/vị trí:.....

A6.3. Số điện thoại (cố định):.....

A6.4. Số điện thoại (di động):.....

A6.5. Email:.....

Phần B. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ NỔI BẬT HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

I. Tình hình triển khai, kết quả hoạt động KNST

I.1. Tình hình tổ chức triển khai và kết quả đạt được

- Hoạt động xây dựng cơ chế, chính sách;
- Hoạt động nâng cao năng lực, huấn luyện, đào tạo, ươm tạo;
- Hoạt động truyền thông về KNST;
- Hoạt động tổ chức cuộc thi về KNST;
- Hoạt động hợp tác quốc tế về KNST;
- Hoạt động kết nối đầu tư và gọi vốn cho KNST;
- Hình thành và phát triển các tổ chức hỗ trợ, trung tâm hỗ trợ KNST;
- Tình hình sử dụng kinh phí cho hoạt động KNST;
- Các hoạt động khác.

II.2. Hiệu quả, tác động của các hoạt động KNST

- Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội;
- Hiệu quả thu hút vốn đầu tư cho KNST;
- Hiệu quả hình thành và phát triển cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp KNST;
- Hiệu quả hình thành và phát triển cá nhân, tổ chức hỗ trợ KNST;
- Hiệu quả, tác động khác.

II. Nhận xét, đánh giá

II.1. Thuận lợi

- Về bối cảnh kinh tế - xã hội;
- Về cơ chế chính sách;
- Về nguồn lực;
- Về công tác phối hợp tổ chức thực hiện;
- Các nội dung khác.

II.2. Một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Về bối cảnh kinh tế - xã hội;
- Về cơ chế chính sách;
- Về nguồn lực;
- Về công tác phối hợp tổ chức thực hiện;

- Các nội dung khác.

II.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất

- Về mặt cơ chế, chính sách

- Về nguồn lực hỗ trợ, hoạt động

- Về đội ngũ nhân lực

- Những nội dung đề xuất khác

2. Kiến nghị

Phần C. CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý:

+ Nêu số hiệu, tên văn bản, cơ quan ban hành, thời gian ban hành và thời hạn hiệu lực.

+ Tất cả văn bản đều phải kèm theo tài liệu minh chứng. Khi cung cấp dữ liệu trực tuyến, tài liệu minh chứng cần tập hợp thành một thư mục và đặt tên file và tải lên ở cuối phiếu.

+ Đối với các văn bản không quy định thời hạn hiệu lực, địa phương sẽ điền “-” vào ô “Thời gian hiệu lực”.

+ Đối với các văn bản có thời gian theo giai đoạn và định hướng, ghi nhận thời hạn hiệu lực theo giai đoạn. Ví dụ: Nghị quyết về Xây dựng vùng sản xuất tập trung, gắn phát triển chuỗi giá trị nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến 2030 -> thời hạn hiệu lực là 2025.

C1. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo hiện đang được thực hiện ở địa phương (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 31/8/2024):

C1.1. Văn bản do Tỉnh ủy/Thành ủy ban hành

T	Số hiệu	Tên văn bản	Cơ	Thời gian	Thời
---	---------	-------------	----	-----------	------

T	văn bản		quan ban hành	ban hành	hạn hiệu lực
<i>Ví dụ</i>	<i>Chương trình số 36-Ctr/TU</i>	<i>Chương trình Triển khai thực hiện Chuyên đề Phát triển công nghiệp CNC, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm khởi nghiệp, ĐMST tầm quốc gia, là khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế, có sức cạnh tranh cao</i>	<i>Thành ủy thành phố Đà Nẵng</i>	<i>13/01/2020</i>	<i>--</i>
1					
2					

C1.2. Văn bản do Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố ban hành

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành	Thời hạn hiệu lực
<i>Ví dụ</i>	<i>Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND</i>	<i>NQ quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn Tp. Đà Nẵng đến năm 2025</i>	<i>HĐND thành phố Đà Nẵng</i>	<i>09/12/2020</i>	<i>2025</i>
1					
2					

C1.3. Văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ban hành

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản	Cơ quan ban	Thời gian ban hành	Thời hạn hiệu
-----------	------------------------	--------------------	--------------------	---------------------------	----------------------

			hành		lực
<i>Vi dụ</i>	<i>Kế hoạch số 216/KH-UBND</i>	<i>Kế hoạch Thực hiện đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025</i>	<i>UBND thành phố Đà Nẵng</i>	<i>21/12/2021</i>	<i>2025</i>
1					
2					

C1.4. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách khác có liên quan tới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, phát triển tài sản trí tuệ...) hiện đang được thực hiện ở địa phương (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 31/8/2024):

TT	Số hiệu văn bản	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành	Thời hạn hiệu lực
<i>Vi dụ</i>	<i>Nghị quyết số 11/NQ-TU</i>	<i>Nghị quyết về phát triển, ứng dụng KH, CN và ĐMST phục vụ phát triển KT-XH</i>	<i>Tỉnh ủy Phú Yên</i>	<i>18/8/2021</i>	<i>-</i>
1					
2					

Phần D. BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Từ ngày... tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	
			<i>2023</i>	<i>2024</i>

I	Tổ chức, cá nhân có hoạt động, hỗ trợ, đầu tư KNST¹[1]			
1	Cá nhân, nhóm cá nhân, dự án KNST ² [2]	Người/Nhóm Dự án		
2	Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ³ [3]	Doanh nghiệp		
3	Cơ sở ươm tạo ⁴ [4]	Tổ chức		
4	Tổ chức thúc đẩy kinh doanh ⁵ [5]	Tổ chức		
5	Khu làm việc chung ⁶ [6]	Tổ chức		
6	Cố vấn, huấn luyện viên KNST ⁷ [7]	Người		
7	Nhà đầu tư cá nhân cho KNST ⁸ [8]	Người		

¹[1] Việc xác định, thống kê các tổ chức, cá nhân có hoạt động KNST do cơ quan quản lý thực hiện.

²[2] **Cá nhân, nhóm cá nhân, dự án KNST** là người hoặc một nhóm người cùng hợp tác xây dựng và tổ chức triển khai một sáng kiến/ý tưởng kinh doanh mới trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng nhanh với mục tiêu tạo ra một công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới để giải quyết một vấn đề cụ thể hoặc đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tham khảo: Quyết định số 844/QĐ-TTg.

³[3] **Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo** là doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Tham khảo: Thông tư 01/2018/TT-BKHCN; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 94/2020/NĐ-CP (Điều 3); Nghị quyết 98/2023/QH15 (Điều 3);

⁴[4] **Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo** là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng công nghệ, tài sản trí tuệ, mô hình kinh doanh mới, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong giai đoạn mới thành lập. Tham khảo: Luật Hỗ trợ DNNVV (Điều 3); Luật CGCN (Điều 2); Thông tư 16/2014/TT-BKHCN (Điều 2);

⁵[5] **Tổ chức thúc đẩy kinh doanh** là tổ chức hỗ trợ cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển mô hình kinh doanh, tiếp cận nguồn vốn đầu tư thông qua các khóa huấn luyện tập trung và các ngày hội đầu tư. Tham khảo: Thông tư 01/2018/TT-BKHCN (khoản 3 Điều 2);

⁶[6] **Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp KNST (gọi tắt là khu làm việc chung)** là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các doanh nghiệp KNST; Tham khảo: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

⁷[7] **Cố vấn, huấn luyện viên, chuyên gia KNST** là người có kiến thức, kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực công nghệ, tài chính, quản lý hoặc các lĩnh vực liên quan khác, được chỉ định hoặc tự nguyện hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho các cá nhân và doanh nghiệp KNST; Tham khảo: Thông tư 01/2018/TT-BKHCN (khoản 5 Điều 2).

⁸[8] **Nhà đầu tư cá nhân cho KNST** là cá nhân có tài sản và kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ, kinh doanh hoặc đầu tư, thực hiện hoạt động cung cấp vốn cho cá nhân, nhóm cá nhân để triển khai các dự án khởi nghiệp sáng tạo hoặc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

8	Nhà đầu tư tổ chức (quỹ đầu tư hoặc công ty đầu tư) ⁹ [9]	Tổ chức		
9	Tổ chức hỗ trợ khác ¹⁰ [10]	Tổ chức		
II	<i>Hoạt động, kết quả xây dựng hệ sinh thái KNST</i>			
1	Sự kiện, hội thảo, hội nghị kết nối	Sự kiện		
2	Thỏa thuận hợp tác được ký kết	Thỏa thuận		
3	Khóa đào tạo, tập huấn được tổ chức	Khóa		
4	Chương trình ươm tạo, thúc đẩy kinh doanh được tổ chức	Chương trình		
5	Cuộc thi khởi nghiệp được tổ chức	Cuộc thi		
6	Điều tra khảo sát	Hoạt động		
7	Chương trình thăm quan, học tập, tìm hiểu thị trường, kết nối trong nước	Chương trình		
8	Chương trình thăm quan, học tập, tìm hiểu thị trường, kết nối nước ngoài	Chương trình		
9	Số lượt dự án, doanh nghiệp KNST được tư vấn, hỗ trợ	Lượt tư vấn, hỗ trợ		
10	Số cá nhân, dự án, doanh nghiệp KNST được hỗ trợ tham gia tìm hiểu thị trường nước ngoài	Cá nhân/doanh nghiệp		
11	Tổng vốn đầu tư cho doanh nghiệp KNST	Triệu		

⁹[9] **Nhà đầu tư tổ chức** (quỹ đầu tư hoặc công ty đầu tư): là các pháp nhân được đăng ký, thành lập, hoạt động theo quy định pháp luật để thực hiện hoạt động kinh doanh, bao gồm: góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp KNST. Tham khảo: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

¹⁰[10] Trung tâm KNST, Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ KNST, các đơn vị có tên gọi khác có chức năng, nhiệm vụ về hỗ trợ KNST, ĐMST và các hoạt động có liên quan, ...

		đồng ¹¹ [11]		
12	Số thương vụ đầu tư cho doanh nghiệp KNST	Thương vụ		
13	Kinh phí từ nguồn ngân sách chi cho hoạt động KNST trên địa bàn	Triệu đồng		

¹¹[11] Hoặc đô-la Mỹ tương đương